

Bản án số: 47/2025/HS-ST

Ngày 12/12/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tám, ông Trần Đại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Việt Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Quang - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2025/HSST, ngày 20 tháng 11 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-HS ngày 01/12/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn L**, sinh năm 1999.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 3, xã N, tỉnh NA.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Q, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1975; Gia đình bị cáo có 02 anh em; bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Từ Sơn - Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Bắc Ninh.

* Bị hại: Anh Trần Văn C, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Trú tại: Khu phố Đ, phường P, tỉnh BN.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Trú tại: Khu phố T, phường P, tỉnh BN.

- Ông Lê Văn Q, sinh năm 1972 (có mặt).

Trú tại: Xóm 3, xã N, tỉnh NA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn L là công nhân tại xưởng sắt của anh Trần Văn C - địa chỉ tại cụm công nghiệp C, Khu phố Đ, phường P, tỉnh BN từ tháng 6 năm 2025 đến giữa tháng 8 năm 2025, L nghỉ làm nhưng vẫn ở nhờ tại xưởng của anh C. Quá trình làm việc tại xưởng, L thấy trong xưởng có một cục máy kim loại hồng không có động cơ (máy cán thép) không sử dụng đến nên nảy sinh ý định trộm cắp máy cán thép trên để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 18 giờ ngày 24/8/2025, L đi đến xưởng thu mua phế liệu tại cụm công nghiệp C, khu phố Đ, phường P, do bà Lê Thị N làm chủ. L hỏi: “Cô có mua sắt phế liệu không?”, bà N đồng ý mua với giá 6.500 đồng/ 1kg, sau đó L đi về.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 24/8/2025, L lên mạng Facebook rồi gọi qua ứng dụng Messenger từ tài khoản “Lê L” của L đến tài khoản Facebook “Phương Ốc” của anh Lê Văn Phương sinh năm 1993, trú tại thôn Bất Lự, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh - là người quen của L trước đó để hỏi thuê xe vận chuyển máy cán thép. Anh Phương không có xe nên anh P bảo L thuê xe của anh Đàm Minh Đ sinh năm 1995, trú tại khu 3 phường V, tỉnh BN. L thỏa thuận với anh Đ giá thuê xe là 600.000 đồng. Khoảng 06 giờ 30 ngày 25/8/2025, anh Đ điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát (BKS): 99C-089.90 đi đến cụm công nghiệp C, khu phố Đ, phường P. L bảo anh Đ lùi xe vào trong xưởng của anh Lê Văn C rồi L bật máy cầu trục điện cầu cục máy lên thùng xe tải và cùng đi xe với anh Đ. Đến khoảng 07 giờ 30 ngày 25/8/2025, L bảo anh Đ đi đến đầu khu phố T thì dừng xe chờ bên ngoài, còn L đi bộ vào gặp bà Ngọc. L nói với bà N về việc bán máy cán thép, bà N đồng ý bảo L đi xe đến xưởng nhà bà N tại cụm công nghiệp C.

Khi đến xưởng, L hỏi xem có cân không, bà N trả lời: “nhà không có cân mà bán vo thì bán”. Sau đó L bảo lái xe đi cân bên ngoài rồi quay lại xưởng nhà bà N. L nói: “Cục máy nặng hơn ba tấn bán với giá 23.000.000 đồng”. Bà N nói: “Tao có 20.800.000 đồng thôi”, L đồng ý bán. Bà N dùng máy của xưởng nhà bà N hạ cục sắt xuống rồi đưa cho L số tiền 20.800.000 đồng. L cầm tiền rồi trả cho anh Đức số tiền thuê xe là 600.000 đồng. Sau đó, L đi xe khách đến tỉnh QN chơi và chi tiêu hết số tiền còn lại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 178/KL-ĐGTS, ngày 08/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Bắc Ninh kết luận: “Giá trị 01 cục máy kim loại, cao 1,6m, dài 0,8m, rộng 0,7m, nặng 3,362kg, tài sản đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 25/8/2025 là $3.362 \text{ kg} \times 8.000 \text{ đồng/kg} = 26.896.000 \text{ đồng}$ ”.

Tại Bản cáo trạng số: 37/CT-VKSYP ngày 18/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Bắc Ninh đã truy tố Lê Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố đối

với bị cáo là đúng người, đúng tội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại là anh Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai của anh C tại Cơ quan điều tra thể hiện: Lê Văn L đã trộm cắp 01 cục máy cán thép của anh C. Anh C đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai của bà N tại Cơ quan điều tra thể hiện: Bà N đã mua 01 cục máy cán thép do L bán với giá tiền 20.800.000 đồng. Bà N không biết tài sản do L trộm cắp mà có. Gia đình bị cáo L đã trả lại cho bà N số tiền 20.800.000 đồng. Bà N không yêu cầu L phải bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Q trình bày: Ông Q là bố đẻ của bị cáo Lê Văn L. L đã tác động gia đình nên ông Q đã bồi thường cho bà N số tiền 20.800.000 đồng. Ông Q không yêu cầu L phải trả lại số tiền đã bồi thường cho bà Ngọc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 16 tháng tù đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 tháng đến 40 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản, công việc và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Trần Văn C đã nhận lại tài sản; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị N đã nhận lại tiền bồi thường, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Lưu theo hồ sơ đĩa ghi âm hỏi cung bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng,

các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện theo đúng thẩm quyền về trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại tại Cơ quan điều tra, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập, đã đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 25/8/2025, tại xưởng sắt của anh Trần Văn C ở cụm công nghiệp C, Khu phố Đ, phường P, tỉnh BN, Lê Văn L đã có hành vi trộm cắp 01 cục máy kim loại, nặng 3.362kg, trị giá 26.896.000 đồng của anh Trần Văn C. Sau đó, L bán cục máy này cho bà Lê Thị N được số tiền 20.800.000 đồng, L đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này. Hiện tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. L đã tác động đến gia đình nên bố đẻ L là ông Lê Văn Q đã bồi thường cho bà Lê Thị N tiền 20.800.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, tài sản bị cáo trộm cắp được có giá trị 26.896.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Bắc Ninh đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, vì vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Sau khi phạm tội, bị cáo đến Công an đầu thú. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự. Do đó

không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ áp dụng mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo tài sản, không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Trần Văn C đã nhận lại tài sản; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị N đã nhận lại tiền bồi thường, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[4] Về vật chứng: Quá trình điều tra xác minh 01 cục máy kim loại, cao 1,6m, dài 0,8m, rộng 0,7m, nặng 3,362kg, tài sản đã qua sử dụng là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Trần Văn C. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh đã trả lại cho anh C là 01 cục máy kim loại trên là phù hợp.

Lưu theo hồ sơ đĩa ghi âm hỏi cung bị cáo.

Đối với bà Lê Thị N, anh Đàm Minh Đ và anh Lê Văn P không biết việc Lê Văn L trộm cắp 01 cục máy kim loại. Vì vậy, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh không xem xét, xử lý bà N, anh Đ và anh P là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/12/2025.

Áp dụng Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do cho bị cáo Lê Văn L ngay tại phiên tòa nếu bị cáo L không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Lê Văn L cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh NA giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Lưu theo hồ sơ đĩa ghi âm hỏi cung bị cáo.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Bắc Ninh;
-VKSND tỉnh Bắc Ninh
-VKSND khu vực 7 – Bắc Ninh;
-Phân trại tạm giam Từ Sơn - Trại TG số 1 CA tỉnh Bắc Ninh;
-Phòng THADS khu vực 7 – Bắc Ninh;
-Những người TGTT;
-Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Nhung

